

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH SÓC TRĂNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **167/2024/DS-PT**

Ngày: 12 - 7 - 2024

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Thành

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thanh Vũ

Ông Hồ Văn Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 6 và ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Quốc S**, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: **số nhà B ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.**

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: **ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phạm Kim L**, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: **số nhà B ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.**

Người kháng cáo: Bị đơn **Lê Thị N**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/10/2023, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông **Trần Quốc S** trình bày:*

Khoảng tháng 02 hoặc tháng 3 năm 2019 ông có qua nhà của bà **Lê Thị N** ăn sáng, uống cà phê thì bà **N** than không có tiền, hỏi mượn tiền của ông, ông có

cho bà N hỏi mượn số tiền 24.700.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng), bà N hỏi mượn tiền để trả tiền cho người này, người kia, rồi bà N mượn tiền hứa vài ngày trả, sau khi không trả thì ông cũng để từ từ đòi chứ cũng không gấp. Đến khoảng tháng 4 năm 2020 bà N tiếp tục hỏi mượn số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), nói ráng giúp đỡ đi, làm gì cũng kiếm tiền trả, ông sợ không đưa rồi bà N không trả số tiền cho mượn lần đầu, cũng hứa vài ngày trả, ông có cho bà N mượn tiếp 15.000.000 đồng, sau mấy ngày không trả thì ông có qua nhà bà N đòi thì bà N cũng hứa chắc chắn trả, mà cũng hứa nhiều lần thôi chứ không có trả. Đến khoảng tháng 6/2020 bà N nói thiếu tiền xã hội đen, hỏi mượn tiền ông để trả tiền cho xã hội đen, bà N nói là không có tiền trả thì sẽ bị xã hội đen giết chết nên ông có cho bà N mượn thêm số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Bà N nói mượn tiền lần này sẽ trả tiền một lần khi trả tiền ngân hàng xong nhưng ông cũng không biết khi nào bà N trả tiền ngân hàng. Những lần cho hỏi mượn tiền đều không có làm giấy tờ, khi bà N hỏi mượn tiền thì nói nghe hay lắm, hứa hẹn sẽ trả đủ một lần, ông tin tưởng nên cho hỏi mượn thêm để bà N trả một lần. Nhiều lần đến nhà bà N đòi tiền thì bà N chỉ hứa cho qua loa, hứa hẹn nhiều lần nhưng không muốn trả, sau đó ông có nói cho vợ ông là bà Phạm Kim L biết việc ông cho bà N hỏi mượn tiền. Bà L cũng cần nhắc ông, sau nhiều lần đòi tiền bà N hứa hẹn đến sau này thì bà N nói không có hỏi mượn tiền, rồi ông cũng có điện thoại nói với chồng bà N thì chồng bà N nói là cho mượn tiền có giấy tờ đem ra nên ông nghĩ liên hệ luôn. Khi thấy bà N không có ý định trả tiền, khi ông đi qua nhà bà N đòi tiền thì vợ ông là bà L đã mở máy ghi âm bằng điện thoại của vợ ông bỏ vào trong túi ông, ông không hay có mở ghi âm, đến khi vợ ông nói thì ông mới biết có những đoạn ghi âm khi ông qua nhà bà N đòi tiền. Khi ông đến nhà bà N đòi tiền chỉ đòi số tiền hai mươi mấy triệu tức là đòi số tiền 24.700.000 đồng, bà N nói chỉ hỏi mượn của ông số tiền 2.000.000 đồng mà khi ông đòi số tiền hai mươi mấy triệu đồng nhưng bà N vẫn không phản đối; còn đối với số tiền cho mượn hai lần sau tổng số tiền 35.000.000 đồng ông không có đề cập đến đòi tiền bà N là do tiền này ông hỏi tiền của ngân hàng, ông định đến gần thời gian đáo hạn ngân hàng thì ông mới cho bà N hay để lo kiếm tiền trả lại cho ông. Nay không có gì để chứng minh ông có cho bà N hỏi mượn số tiền 35.000.000 đồng nên ông xin rút lại số tiền cho mượn 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), chỉ yêu cầu bà N trả cho ông số tiền 24.700.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng), không yêu cầu lãi suất gì hết.

*Tại các biên bản hòa giải lập ngày 05/01/2024 và ngày 23/01/2024 cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Bà thừa nhận bà có hỏi mượn tiền của ông Trần Quốc S vào khoảng tháng 6/2018, số tiền hỏi mượn là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), không có việc bà hỏi của ông S ba lần tiền với tổng số tiền 59.700.000 đồng (Năm mươi chín triệu, bảy trăm nghìn đồng) như ông S trình bày. Bà hỏi vay số tiền 2.000.000 đồng của ông S, lãi suất 5%/tháng, đóng lãi hàng tháng, bà đóng lãi cho ông S được ba tháng thì ngưng do tình hình dịch bệnh covid 19 nên không có buôn bán gì được (tại biên bản hòa giải lập ngày 23/01/2024 bà N trình bày đã đóng lãi cho ông S

được khoảng 01 năm). Ông S đến nhà bà để đòi tiền hâm he đủ thứ, đến mức bà phải kêu công an xã V vào giải quyết. Khi bà chưa có tiền trả thì những lúc ông S qua nhà đòi tiền, bà có cũng hứa để kiểm tiền trả cho ông S chứ chưa có tính toán tiền lãi ra bao nhiêu nên ông S nói số tiền hai mươi mấy triệu bà cũng không có phản đối gì vì vay năm 2018 mà chỉ mới đóng lãi có ba tháng, một tháng 100.000 đồng nên đến lúc đòi cũng mấy năm trời. Bà cũng sợ ông S làm lớn chuyện nên cũng hứa cho qua, khi nào kiểm đủ tiền trả sẽ tính toán tiền vốn và lãi với ông S. Các đoạn ghi âm ông S cung cấp đúng là đoạn đối thoại nói chuyện giữa bà và ông S. Bà không có hỏi mượn tiền của ông S số tiền ba lần tổng cộng là 59.700.000 đồng nên bà không đồng ý trả tiền cho ông S, tại phiên tòa ông S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà trả cho ông S số tiền 24.700.000 đồng thì bà cũng không đồng ý. Bà chỉ hỏi vay số tiền vốn 2.000.000 đồng thì đồng ý trả cho ông S số tiền vốn 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và lãi suất 5%/tháng tính từ khi vay đến nay.

*Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kim L trình bày:*

Bà là vợ ông Trần Quốc S, số tiền ba lần ông S cho bà N hỏi mượn thì bà không biết, sau này khi ông S đòi tiền bà N có ý định không trả nên mới nói với bà, lúc này bà mới biết, bà cũng tin tưởng chỗ bà N, thấy làm ăn đàng hoàng và có nhà, có ruộng. Đến sau này khi đòi tiền bà N không muốn trả còn thách thức vợ chồng bà có giấy tờ thì đi thưa. Bà thấy bà N hứa hẹn hoài mà không có trả tiền cho ông S nên những lần ông S đi qua nhà bà N đòi tiền thì bà có mở ghi âm trong điện thoại của bà bỏ vào người ông S, ông S không có hay việc ghi âm, khi về bà mới các đoạn ghi âm nghe lại. Việc ghi âm là để xem bà N nói thế nào vì bà N không có ý định trả tiền cho ông S. Số tiền ông S cho bà N hỏi mượn là tiền chung của vợ chồng bà và ông S. Ông S khởi kiện đòi bà N trả tiền cho ông S thì bà cũng đồng ý, không có yêu cầu gì. Tại phiên tòa hôm nay ông S rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền cho mượn hai lần 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) do không có chứng cứ chứng minh cho bà N mượn tiền thì bà cũng thống nhất.

\* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, thụ lý giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số: 28/2024/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024, đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc S về việc yêu cầu bà Lê Thị N trả số tiền hỏi mượn.

Buộc bà **Lê Thị N** trả cho ông **Trần Quốc S** số tiền là 24.700.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng).

2/ Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Quốc S** về việc yêu cầu bà **Lê Thị N** trả số tiền hỏi mượn 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/4/2024 bị đơn **Lê Thị N** có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm do bà không có vay của ông **S** số tiền 24.700.000 đồng, bà đồng ý trả cho ông **S** số tiền vay 2.000.000 đồng vào năm 2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Lê Thị N** và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn **Lê Thị N** là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn ông **Trần Quốc S** tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông **S** là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn **Lê Thị N**, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn ông **S** cho bà **N** mượn tiền mặc dù không có giấy tờ, nhưng bị đơn bà **N** thừa nhận có hỏi mượn tiền của ông **S** số tiền 2.000.000 đồng cũng không có giấy tờ. Ông **S** trình bày không nhớ ngày tháng cho vay; còn bà **N** khi hỏi mượn tiền của ông **S** cũng không nhớ rõ ngày tháng hỏi mượn. Qua đó

cho thấy các đương sự thực tế giao dịch về tiền mượn, tiền vay với nhau không có làm giấy tờ.

[3.2] Nguyên đơn ông S có cung cấp cho Tòa án một USB được chép nhiều đoạn ghi âm được ghi âm từ máy điện thoại của vợ ông S là bà Phạm Kim L. Khi hòa giải ngày 23/01/2024 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm có mở các đoạn ghi âm cho các đương sự nghe thì ông S và bà N đều xác nhận giọng nói trong các đoạn ghi âm là của ông S và bà N nói chuyện qua lại với nhau. Trong những đoạn ghi âm bà N thừa nhận có mượn tiền của ông S chứ không phải tiền vay, có đoạn ông S nói “hai mươi mấy triệu mà đưa lần có ba trăm nghìn, đưa không biết chừng nào mới đủ” bà N trả lời “Nào tôi đưa đủ thôi, có nhiều đưa nhiều, giờ tôi không có làm gì bây giờ, đó ông thấy trong nhà tôi có gì giá trị đó cứ việc lấy đi”; ông S nói “tự nhiên qua lấy đồ này được” bà N nói “ừ, thí dụ đã kêu tôi kiếm tiền thì tôi kiếm không có rồi, thì tôi có nhiều đó đưa nhiều đó, lấy không lấy thì thôi, cảm thấy muốn lấy gì trừ nợ thì cứ việc lấy, tôi thiếu mà qua nói chuyện kiểu đó quạu quạng tôi không trả một xu đừng có trách tôi”...có đoạn bà N nói “tôi không có dứt đầu, yên tâm đi, rồi muốn làm lớn chuyện lên làm quá thì tôi không trả đồng bạc nào chứ cũng không làm gì tôi, chứ đừng có đem ra hù dọa tôi, trong khi đó ông đưa tôi ông cũng không có giấy tờ gì đâu” ông S nói “mượn tiền mà giấy tờ, này hỏi hết xóm, thí dụ tự nhiên tao qua nhà bà T tao đòi tiền được không” bà N nói “tôi nói thí dụ ông nói ông làm lớn chuyện”. Ngoài ra, tại đoạn ghi âm lần thứ nhất ngày 16 tháng 9 năm 2020 thể hiện: ông S nói: “đi kiếm 5 triệu cũng được nữa”, bà N nói: “giờ kiếm không có, phải chi tôi không chịu đi kiếm đâu, gắng chạy đi kiếm hôm rồi nè, phải tôi có tôi đưa cho ông rồi không đợi ông nhần nhần tôi đâu”. Điều này thể hiện bà N thiếu ông S là phải hơn 5.000.000 đồng chứ không phải 2.000.000 đồng như bà N trình bày.

[3.3] Qua các cuộc đối thoại trong đoạn ghi âm do ông S cung cấp thì ông S có đòi bà N số tiền hai mươi mấy triệu đồng mà bà N vẫn không có phản ứng là chỉ hỏi mượn ông S số tiền chỉ có 2.000.000 đồng; bà N còn nói “kiếm tiền lo trả, không dứt đầu mà sợ”. Còn bà N cho rằng có hỏi vay tiền của ông S số tiền vốn 2.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng lúc thì trình bày đã đóng lãi hơn 01 năm, lúc thì trình bày đã đóng lãi 03 tháng, lời trình bày của bà N tự có mâu thuẫn. Bên cạnh đó, theo biên bản hòa giải lập ngày 06/5/2023 của tổ hòa giải ấp V, xã V, thị xã N thể hiện ý kiến ban đầu của bà N nói là không có mượn tiền của ông S, sau khi ông S mở các đoạn ghi âm thì bà N mới thừa nhận chỉ hỏi mượn tiền của ông S, chứng tỏ bà N có gian dối trong lời trình bày. Ngoài ra, bà N không có cung cấp chứng cứ gì chứng minh chỉ hỏi tiền của ông S số tiền vốn 2.000.000 đồng và cũng không được ông S thừa nhận. Cho nên Hội đồng xét xử xác định bà N thực chất có hỏi mượn của ông S số tiền 24.700.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông S buộc bà N trả tiền cho ông S là căn cứ.

[4] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn, nhưng không buộc bị đơn có trách nhiệm trả lãi trong giai đoạn thi hành án là có thiếu sót nên cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp.

[5] Từ những căn cứ như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Lê Thị N**, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị **N** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Lê Thị N**.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Quốc S** về việc yêu cầu bà **Lê Thị N** trả số tiền mượn.

1. Buộc bà **Lê Thị N** trả cho ông **Trần Quốc S** số tiền là 24.700.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Quốc S** về việc yêu cầu bà **Lê Thị N** trả số tiền hỏi mượn 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà **Lê Thị N** phải chịu án phí số tiền 1.235.000 đồng (Một triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

3.2. Ông **Trần Quốc S** không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.493.000 đồng (Một triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002502 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn **Lê Thị N** phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002582 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà **N** đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Thành**